

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Sướng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Lưu; bà Lê Thị Xuân.

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Lua, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2019/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lăng Thị B, sinh năm 1991 - Có mặt.

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh L.

Bị đơn: Anh Lưu Đình M, sinh năm 1990 - Xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Lăng Thị B trình bày:

Chị kết hôn với anh Lưu Đình M vào ngày 20/01/2011. Trước khi cưới anh chị có được tìm hiểu tự nguyện, không bị ép buộc và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh B. Sau ngày cưới vợ chồng chị chung sống tại thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh B

Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 9/2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M ham chơi đua đòi bạn bè, không chịu làm ăn. Không những thế anh Mạnh còn nghiện ma túy đá, cứ ngáo đá là anh M nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên thường xuyên đánh đập, dùng dao dọa giết chị. Do cuộc sống vợ chồng rất căng thẳng, tháng 12/2015 chị đã làm đơn ly hôn anh M. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nên chị đã rút đơn ly hôn để cho anh M cơ hội sửa chữa bản thân. Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án của chị. Nhưng sau khi về tiếp tục chung sống với nhau thì anh M không thay đổi, vẫn thường xuyên đe dọa giết chị, khiến chị vô cùng hoảng sợ. Đỉnh điểm là vào ngày 24/6/2019, anh M tiếp tục sử dụng ma túy cầm dao kề cổ dọa giết chị nên chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ ở tỉnh L để bảo toàn tính mạng. Vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai

nữa. Chị thấy không thể tiếp tục chung sống với anh M được vì không còn tình cảm nên xin ly hôn anh M.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 02 con chung là Lưu Thế B, sinh ngày 13/10/2011 và Lưu Đức D, sinh ngày 18/06/2017. Từ khi vợ chồng chị ly thân, con chung vẫn sống cùng anh M và ông bà nội. Ly hôn chị đồng ý để anh M tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào biên bản ghi lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Lưu Đình M trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị B về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung của vợ chồng. Anh cho rằng vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn là hoàn toàn do lỗi của anh. Do anh ham chơi đua đòi bạn bè, nghiện ma túy đá dẫn đến bị ảo giác có đánh đập chị B nhiều lần. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 24/6/2019. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị B, anh rất hối hận và mong muốn chị B tha thứ cho anh. Vì vậy chị B xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn mà mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị B đã trình bày. Hiện nay cả hai con chung đang sống với anh. Trường hợp ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung.

Anh M hiện làm thợ cơ khí cho xưởng cơ khí tự nhận tại thôn T, xã P, huyện T, thu nhập bình quân khoảng 12.000.000đ. Anh đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Về con chung trước đây, chị có nhất trí để anh M nuôi cả 02 con chung. Nay chị có nguyện vọng được xin nuôi cháu Lưu Đức D, sinh ngày 18/06/2017, còn để anh M nuôi cháu Lưu Thế B, sinh ngày 13/10/2011 việc cấp dưỡng không yêu cầu giải quyết. Chị B đang làm công nhân may tại Công ty TNHH MTV sản xuất và dịch vụ thương mại L có trụ sở tại huyện H, tỉnh L; thu nhập bình quân khoảng 4-5 triệu đồng/tháng; Anh M có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên Tòa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 51; 56; 81; 82; 83 - Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bích, cho chị Bích được ly hôn với anh Mạnh.

Giao con chung Lưu Đức D, sinh ngày 18/06/2017 cho chị B nuôi dưỡng; giao con chung là Lưu Thế B, sinh ngày 13/10/2011 cho anh M nuôi dưỡng; Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị B, anh M không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

Do các đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung, công nợ trích chia công sức nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự trong vụ án

[1]. Tổ tụng: Chị B làm đơn xin ly hôn anh M nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn là anh M đang cư trú trên địa bàn huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh M.

[2]. Nội dung:

* Yêu cầu xin ly hôn: Chị Lăng Thị B và Lưu Đình M kết hôn vào ngày 20/01/2011 trên cơ sở điều tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh B nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Cả hai đương sự đều thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M ham chơi đua đòi bạn bè, không chịu làm ăn, nghiện ma túy thường xuyên đánh đập, dùng dao dọa giết chị B nhiều lần. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 24/6/2019 cho đến nay. Chị B xin ly hôn nhưng anh M không đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy: Cuộc sống vợ chồng của chị B và anh M không đạt được mục đích của cuộc hôn nhân tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc. Mặc dù anh M không đồng ý ly hôn cũng không đưa ra được biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Cuộc sống vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật và thực tế.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lưu Thế B, sinh ngày 13/10/2011 và Lưu Đức D, sinh ngày 18/06/2017. Hiện cả hai con đang sống với anh M. Khi ly hôn, chị B xin nuôi cháu Lưu Đức D, sinh ngày 18/06/2017; anh M xin nuôi cả 02 con; việc cấp dưỡng không yêu cầu giải quyết; anh M có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên Tòa.

Xét thấy: Chị B đang làm công nhân may tại Công ty TNHH MTV sản xuất và dịch vụ thương mại L có trụ sở tại huyện H, tỉnh L; thu nhập bình quân khoảng 4-5 triệu đồng/tháng. Trong khi đó cháu Lưu Đức D, sinh ngày 18/06/2017 hiện tại chưa được 36 tháng tuổi. Anh M hiện làm thợ cơ khí cho xưởng cơ khí tư nhân tại thôn T, xã P, huyện T, thu nhập bình quân khoảng 12.000.000đ. Chị B cũng nhất trí anh M nuôi cháu là Lưu Thế B, sinh ngày 13/10/2011. Để đảm bảo mọi quyền lợi cho con cần chấp nhận giao cho chị B nuôi dưỡng, chăm sóc con Lưu Đức D, sinh ngày 18/06/2017 và giao cho anh M nuôi dưỡng, chăm sóc con Lưu Thế B, sinh ngày 13/10/2011 là phù hợp với pháp luật và thực tế. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị B, anh M đều không yêu cầu cấp giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Chị B, anh M được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình về việc nuôi dưỡng, thăm nom con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ: Anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

* Về án phí: Chị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147; khoản 1 Điều 227; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51; 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Lăng Thị B được ly hôn với anh Lưu Đình M.

2. Về con chung: Giao cho chị B nuôi dưỡng con chung Lưu Đức D, sinh ngày 18/06/2017; Giao cho anh M nuôi dưỡng con chung Lưu Thế B, sinh ngày 13/10/2011. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Người không nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Lăng Thị B phải chịu 300.000đ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2015/000849, ngày 16/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án

Nơi nhận:

- VKSND h. Tiên Du.
- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- THADS h. Tiên Du.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Sướng

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Lưu

Lê Thị Xuân

Nguyễn Xuân Sướng

